

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết 46/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 về Kế hoạch quy hoạch vùng chuyên canh sản xuất gắn với xây dựng các ngành hàng chủ lực theo chuỗi giá trị, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, phát triển kinh tế nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2025

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Tháp Mười

Thực hiện Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về Kế hoạch quy hoạch vùng chuyên canh sản xuất gắn với xây dựng các ngành hàng chủ lực theo chuỗi giá trị, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, phát triển kinh tế nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 46/NQ-HĐND

Sau khi tiếp thu Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về Kế hoạch quy hoạch vùng chuyên canh sản xuất gắn với xây dựng các ngành hàng chủ lực theo chuỗi giá trị, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, phát triển kinh tế nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, Ủy ban nhân dân huyện đã xây dựng Kế hoạch¹ để cụ thể hóa các chỉ tiêu phân công, triển khai thực hiện, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức chính trị - xã hội huyện thực hiện tuyên truyền đến đoàn viên, hội viên về nội dung Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, sản xuất theo hướng an toàn thực phẩm, giảm giá thành sản xuất, liên kết tiêu thụ; tham gia giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất nông nghiệp, nông thôn và các chính sách của các ngành chuyên môn, các xã, thị trấn; các ngành chuyên môn huyện và các xã, thị trấn hàng năm lồng ghép các chỉ tiêu vào các chương trình, kế hoạch, dự án khác để triển khai thực hiện.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả đạt được

- Về truy xuất nguồn gốc sản phẩm: Trên địa bàn huyện hiện có 90 vùng

¹ Kế hoạch số 9358/KH-UBND ngày 09/9/2021 về Kế hoạch quy hoạch vùng chuyên canh sản xuất gắn với xây dựng các ngành hàng chủ lực theo chuỗi giá trị, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, phát triển kinh tế nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2025.

trồng được cấp mã số để truy xuất nguồn gốc sản phẩm, với diện tích 13.836,87 ha, được cấp 125 mã số xuất khẩu sang thị trường: Trung Quốc, Hoa Kỳ, EU, New Zealand, Úc và thị trường nội địa. Trong đó, mít thái có 22 vùng trồng với diện tích 334,78 ha; 03 vùng trồng sầu riêng với diện tích 85,7 ha; 63 vùng trồng (lúa, nếp) với diện tích 13.364,89 ha; 01 vùng trồng Bưởi với diện tích 13,5 ha và 01 vùng trồng sen: 38 ha. Bên cạnh đó, năm 2023 ngành hàng cá sặc rắn, trứng vịt đăc được đăng ký mã QR code để truy xuất nguồn gốc tham gia chương trình OCOP, chưa đạt chỉ tiêu nghị quyết.

- Huyện xác định đẩy mạnh liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản là một chương trình trọng tâm, xuyên suốt, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Đến nay, tổng diện tích liên kết tiêu thụ lúa là 23.183 ha/115.770,33 ha, đạt 20,02 %/30% so diện tích xuống giống cả năm, chưa đạt chỉ tiêu Nghị quyết.

- Đến nay, diện tích cây sen đạt 492,3ha/1.000 ha, đạt 49,23% so chỉ tiêu Nghị quyết, giảm 206 ha so với năm 2020, diện tích giảm là do xuất hiện bệnh cháy lá, thối thân thối ngó trên cây sen, nhưng đến nay chưa có biện pháp quản lý bệnh hiệu quả nên nông dân còn ngán ngại để mở rộng và phát triển diện tích trồng sen. Đã thu hoạch 406,7 ha, năng suất bình quân 3,5 tấn/ha với giá bán trung bình 20.000 đồng/kg, lợi nhuận từ 49,53-70,63 triệu đồng/ha, tăng 3,42 -24,52 triệu đồng/ha/ so với 2020, giá thành sản xuất 9.300 - 10.846,9 đồng/kg, có 38 ha được liên kết với Công ty Sen Đại Việt, đạt 7,72%, chưa đạt chỉ tiêu Nghị quyết.

- Tổng số lượng ếch thả nuôi đến nay là 72.086.000 con/50.000.000 con đạt 144,1 % so, vượt 44,1% so nghị quyết. Ước cuối năm, sản lượng đạt trên 7.000 tấn, giá bán ếch thịt 34.000-36.000 đồng/kg, tăng 3.000 - 5.000 đồng/kg (áp dụng cho tỉ lệ sống trên 50%), đạt chỉ tiêu nghị quyết.

- Diện tích thả nuôi cá sặc rắn là 128 ha/250 ha, đạt 51,2% chỉ tiêu nghị quyết, ước sản lượng thu hoạch 2.624 tấn, chủ yếu bán cho thương lái là chính, chưa có liên kết với công ty, doanh nghiệp, chưa đạt chỉ tiêu nghị quyết.

- Tổng đàn vịt lũy kế đạt 581.650 con/500.000 con, đạt 116,3%, vượt 16,3% so chỉ tiêu nghị quyết; Trong đó, mô hình nuôi nhốt an toàn sinh học tại chỗ lấy trứng là 66.310 con, sản lượng trứng 39.786 trứng/ngày. Liên kết tiêu thụ với Bách hóa xanh 4.000 trứng/ngày, còn lại là thương lái, giá trứng thương lượng theo thời điểm thị trường, chưa đạt chỉ tiêu nghị quyết.

- Diện tích cây ăn trái hiện có là 4.941,82 ha/4.200 đạt 117,7%, vượt 17,7% so chỉ tiêu Nghị quyết. Trong đó, tổng diện tích mít là 2.806,16 ha/2.000 ha, đạt 140,3%, vượt 40,3% so chỉ tiêu nghị quyết. Hiện có HTX DVNN Đốc Bình Kiều được cấp chứng nhận VietGAP với quy mô 7,9 ha/8 hộ trồng mít, đạt chỉ tiêu Nghị quyết.

- Lũy kế đến nay, trên địa bàn huyện có 26 sản phẩm đạt OCOP: trong đó,

có 19 sản phẩm từ sen, 02 sản phẩm gạo; 02 sản phẩm khô cá sặc rắn; 02 sản phẩm khô cá lóc và 01 sản phẩm khô cá trê vàng, chưa đạt chỉ tiêu Nghị quyết. Trong 26 sản phẩm đạt OCOP có 19 sản phẩm đạt hạng 3 sao, 7 sản phẩm đạt hạng 4 sao, chưa đạt chỉ tiêu nghị quyết (có 01 sản phẩm đạt 5 sao). Năm 2023, có 17 sản phẩm tham gia đánh giá phân hạng (13 sản phẩm mới, 4 sản phẩm năm 2020 tham gia đánh giá công nhận lại). Hội đồng đánh giá cấp huyện đã đánh giá xong, hiện đang hoàn thiện hồ sơ trình UBND huyện ra quyết định công nhận đối với 10 sản phẩm đạt 3 sao (08 sản phẩm mới, 02 sản phẩm đánh giá lại) và đề nghị về Hội đồng cấp tỉnh đánh giá đối với 07 sản phẩm (05 sản phẩm mới và 02 sản phẩm đánh giá lại) đạt từ 75,7 đến 82,8 điểm.

2. Các chỉ tiêu Nghị quyết

- Có ít nhất 06 ngành hàng có truy xuất được nguồn gốc gồm: lúa, éch, cây sen, trứng vịt, cá sặc rắn, cây ăn trái .
- Diện tích liên kết trong sản xuất lúa đạt 30% tổng diện tích xuống giống (mới đạt 20,02 %).
- Tổng diện tích trồng sen đạt 1.000 ha. Trong đó, liên kết trồng và tiêu thụ đạt từ 10% tổng diện tích xuống giống.
- Tổng số lượng éch thả nuôi đạt 50.000.000 con, sản lượng đạt trên 6.000 tấn. Phấn đấu có liên kết và tiêu thụ với thương lái, công ty, doanh nghiệp.
- Tổng diện tích nuôi cá sặc rắn đạt 250 ha, sản lượng trên 6.000 tấn. Phấn đấu có liên kết và tiêu thụ với thương lái, công ty, doanh nghiệp.
- Tổng đàn vịt đạt 500.000 con. Trong đó nuôi nhốt an toàn sinh học tại chỗ là 150.000 con, phấn đấu liên kết tiêu thụ 60.000 trứng/ngày với công ty, doanh nghiệp thu mua chế biến.
- Tổng diện tích vườn cây ăn trái là 4.200 ha. Trong đó, ổn định diện tích trồng mít là 2.000 ha; có ít nhất 01 mô hình trồng mít theo tiêu chuẩn VietGAP.
- 06 ngành hàng gồm: lúa, éch, cây sen, trứng vịt, cá sặc rắn, cây ăn trái đều có sản phẩm tham gia Chương trình Mỗi xã một sản phẩm và đạt từ 3 sao trở lên. Trong đó, có 01 sản phẩm đạt 5 sao.

3. Các chỉ tiêu đạt so với Nghị quyết

- Tổng số lượng éch thả nuôi đạt 50.000.000 con, sản lượng đạt trên 6.000 tấn. Phấn đấu có liên kết và tiêu thụ với thương lái, công ty, doanh nghiệp.
- Tổng diện tích vườn cây ăn trái là 4.200 ha. Trong đó, ổn định diện tích trồng mít là 2.000 ha; có ít nhất 01 mô hình trồng mít theo tiêu chuẩn VietGAP.
- Tổng đàn vịt đạt 500.000 con.

4. Các chỉ tiêu Nghị quyết thực hiện chưa đạt

- Có ít nhất 06 ngành hàng có truy xuất được nguồn gốc gồm: lúa, éch, cây

sen, trứng vịt, cá sặc rắn, cây ăn trái (có 5 ngành hàng có truy xuất nguồn gốc: Lúa, sen, cá sặc rắn, mít, vịt).

- Diện tích liên kết trong sản xuất lúa đạt 30% tổng diện tích xuống giống (mới đạt 20,02%).

- Tổng diện tích trồng sen đạt 1.000 ha (mới đạt 492,3ha). Trong đó, liên kết trồng và tiêu thụ đạt từ 10% tổng diện tích xuống giống (mới đạt 7,72%).

- Tổng diện tích nuôi cá sặc rắn đạt 250 ha, sản lượng trên 6.000 tấn. Phân đầu có liên kết và tiêu thụ với thương lái, công ty, doanh nghiệp (mới đạt 128 ha).

- Số lượng vịt nuôi nhốt an toàn sinh học tại chỗ là 150.000 con (mới đạt 66.310 con), phân đầu liên kết tiêu thụ 60.000 trứng/ngày với công ty, doanh nghiệp thu mua chế biến (mới đạt 4.000 trứng/ngày).

- 06 ngành hàng gồm: lúa, ếch, cây sen, trứng vịt, cá sặc rắn, cây ăn trái đều có sản phẩm tham gia Chương trình Mỗi xã một sản phẩm và đạt từ 3 sao trở lên. Trong đó, có 01 sản phẩm đạt 5 sao (mới có 04 ngành hàng: sen, lúa, cá sặc rắn, trứng vịt tham gia Chương trình OCOP, chưa có 01 sản phẩm đạt 5 sao).

* *Dánh giá:* Tất cả các chỉ tiêu Nghị quyết thực hiện chưa đạt dự kiến đến năm 2025 thực hiện đạt. (*Theo phụ lục đính kèm*)

III. Hạn chế và nguyên nhân

- Nhiều mô hình sản xuất có hiệu quả nhưng không được duy trì nhân rộng. Nguyên nhân là do tác động của giá cả thị trường, thiên tai dịch bệnh liên tục xảy ra, mối liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp chưa được hài hòa về lợi ích nên thường xuyên phá vỡ hợp đồng.

- Chất lượng, khả năng cạnh tranh và hiệu quả sản xuất của nhiều loại nông sản còn thấp, hiệu quả chưa cao. Nguyên nhân là do nông dân chưa mạnh dạn áp dụng các quy trình kỹ thuật theo tiêu chuẩn VietGAP, sản xuất an toàn, chưa hình thành được các vùng chuyên canh có truy xuất nguồn gốc, mã vùng trồng để phục vụ nhu cầu xuất khẩu.

- Đổi mới tổ chức sản xuất tuy đạt nhiều thành quả nhưng vẫn còn hạn chế, bất cập, chưa theo kịp yêu cầu của nền sản xuất hàng hóa lớn; các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất phát triển chậm, hiệu quả chưa ổn định. Kinh tế hợp tác chưa phát huy hết vai trò làm cầu nối giữa nông dân với nông dân và nông dân với doanh nghiệp.

- Sản phẩm nông nghiệp chủ yếu bán ở dạng thô nên giá trị kinh tế chưa cao. Nguyên nhân là do chưa thu hút được nhiều công ty, doanh nghiệp tham gia chế biến các sản phẩm chủ lực của huyện, chưa tạo ra vùng nguyên liệu ổn định lâu dài cho các nhà đầu tư, sự liên kết hình thành vùng nguyên liệu phụ thuộc rất lớn đến nhận thức và trách nhiệm của người dân.

- Chuyển dịch cơ cấu cây trồng mang tính tự phát gây khó khăn cho công tác

quản lý. Người sản xuất chưa quan tâm đến xây dựng mã vùng trồng trong sản xuất.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG TRONG THỜI GIAN TÓI

1. Dự báo tình hình

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện đến năm 2025, cùng với xu thế về nhu cầu của thị trường trong nước và các nước nhập khẩu nông sản sẽ thúc đẩy các ngành tái cơ cấu ngành nông nghiệp của huyện phát triển theo. Tuy nhiên, vẫn còn những khó khăn thách thức như: tình hình biến đổi khí hậu, dịch bệnh,.. sẽ tác động trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp; sản phẩm nông nghiệp ngày càng cạnh tranh gay gắt trong thời gian tới.

2. Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm đạt các chỉ tiêu Nghị quyết đề ra đến cuối năm 2025

2.1. Giải pháp về tuyên truyền

- Tuyên truyền bằng nhiều hình thức sâu rộng đến từng nông dân sản xuất nông nghiệp, thông qua các hợp tác xã, tổ hợp tác, hội quán để từng bước làm thay đổi tư duy, nhận thức của các hội viên, thành viên, tạo sự đồng thuận và thông suốt trong cả hệ thống chính trị và nông dân; thường xuyên thông tin và giám sát tình hình thực hiện các chính sách trong nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

- Tổ chức các lớp tập huấn chuyên đề, tham quan trao đổi kinh nghiệm với các hợp tác xã, tổ hợp tác điển hình trong và ngoài tỉnh để nâng cao hiểu biết về khoa học kỹ thuật, trang bị kiến thức làm kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

- Thực hiện mô hình điểm, mô hình trình diễn, nhằm tạo sự lan tỏa rộng rãi trong cộng đồng, nông dân có điều kiện học tập chia sẻ kinh nghiệm lẫn nhau và cùng nhau nhân rộng mô hình trên địa bàn toàn huyện.

2.2. Giải pháp về thực hiện đúng quy hoạch

- Hỗ trợ, hướng dẫn, triển khai thực hiện kế hoạch trên tinh thần tự nguyện của người dân, lấy ý kiến về các vấn đề phát sinh liên quan đến kế hoạch; các xã, thị trấn thực hiện công khai kế hoạch, quy hoạch tại các trụ sở cơ quan, nhà văn hóa ấp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hội quán để nông dân biết và tích cực tham gia.

- Hướng dẫn nông dân các thủ tục xin chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa theo đúng quy định pháp luật hiện hành; kiên quyết ngăn chặn, giáo dục và xử lý triệt để các trường hợp chuyển đổi không phù hợp với quy hoạch, kế hoạch của địa phương.

2.3. Giải pháp về khoa học công nghệ, khuyến nông

- Triển khai thí điểm các mô hình sản xuất có ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến, đưa các giống mới, giống có năng suất cao, ổn định, đảm bảo chất lượng vào sản xuất.

- Tăng cường công tác khuyến nông, hướng dẫn người sản xuất thực hiện đúng quy trình kỹ thuật để duy trì và nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm.

2.4. Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực, tổ chức sản xuất

- Thường xuyên phối hợp với các chuyên gia, các viện trường, trung tâm tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nông nghiệp cấp huyện, xã, cán bộ chủ chốt của các hợp tác xã, tổ hợp tác, hội quán để phục vụ tốt cho công tác điều hành sản xuất; vận dụng có hiệu quả công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn để phát huy nguồn nhân lực có kinh nghiệm, trình độ trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

- Khuyến khích, hỗ trợ các tổ hợp tác, hội quán đủ mạnh thành lập hợp tác xã gắn với các ngành hàng chủ lực, lợi thế của địa phương, phù hợp với nhu cầu của thành viên và được thành viên đồng tình hưởng ứng để đem lại lợi ích và lợi nhuận cho thành viên và hợp tác xã.

2.5. Giải pháp về xây dựng vùng chuyên canh quy mô lớn, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu đặc trưng

- Tăng cường công tác liên kết vùng ở các xã có điều kiện tương đồng với nhau, đặc biệt là liên kết giữa hợp tác xã với hợp tác xã để cung ứng đầy đủ tất cả các dịch vụ liên quan đến quá trình sản xuất, nuôi trồng của các thành viên; liên kết đẩy mạnh phát triển sản xuất các sản phẩm cùng có lợi thế, gắn với thị trường tiêu thụ, xây dựng cánh đồng lớn, đồng nhất về chất lượng, xây dựng thương hiệu, tăng khả năng cạnh tranh nhằm mang lại hiệu quả cao hơn.

- Phát huy sản phẩm đặc thù, mang giá trị bản sắc địa phương, tranh thủ lập hồ sơ xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm địa phương để khẳng định giá trị và vị thế các ngành hàng Tái cơ cấu chủ lực, đặc thù của huyện nhà.

- Hỗ trợ hình thành mã vùng trồng, thương hiệu sản phẩm có lợi thế. Tạo môi trường thuận lợi, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất gắn với chế biến, kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Thông tin, dự báo kịp thời những biến động của thị trường để điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp từng giai đoạn.

2.6. Giải pháp về quảng bá sản phẩm, xúc tiến thương mại

- Chuẩn hóa các sản phẩm nông nghiệp từ các ngành hàng Tái cơ cấu thông qua Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); tích cực tham gia các chương trình khởi nghiệp sáng tạo, chương trình sản phẩm nông nghiệp nông thôn tiêu biểu; tăng cường kết nối, thu hút các nhà bán lẻ có uy tín trên thị trường đưa các sản phẩm vào hệ thống bán lẻ để đến tay người tiêu dùng.

- Tăng cường kết nối thông tin sản phẩm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm thông qua các kênh mạng xã hội, các trang thông tin nông sản của tỉnh, huyện để nhiều người biết đến và dễ dàng tra cứu thông tin, truy xuất nguồn gốc các sản

phẩm đặc thù của địa phương.

2.7. Thực hiện tốt Kế hoạch phát triển các ngành hàng Tái cơ cấu của huyện hàng năm²: Để sớm đạt các chỉ tiêu của Nghị quyết.

Trên đây là Báo cáo Kết quả thực hiện Nghị quyết 46/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về Kế hoạch quy hoạch vùng chuyên canh sản xuất gắn với xây dựng các ngành hàng chủ lực theo chuỗi giá trị, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, phát triển kinh tế nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười./.

Noi nhận:

- Như trên;
- TT/HU;
- CT, các PCT/UBND huyện;
- Các ban, ngành huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP;
- Lưu: VT, NC (Lan).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đinh Công Phủ

² Kế hoạch số 508/KH-UBND ngày 18/01/2023 về phát triển ngành hàng cá sặc rắn năm 2023; Kế hoạch số 509/KH-UBND ngày 18/01/2023 Kế hoạch Phát triển ngành hàng cây ăn trái (mít) năm 2023; Kế hoạch số 510 ngày 18/01/2023 về phát triển ngành hàng lúa gạo năm 2023; Kế hoạch số 511/KH-UBND ngày 18/01/2023 về phát triển ngành hàng sen năm 2023; Kế hoạch số 512/KH-UBND ngày 18/01/2023 về phát triển ngành hàng vịt năm 2023.